

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 28 tháng 9 năm 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Hà Vinh; bà Quách Thị Tinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N và anh T (Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/02/2022. Sau khi chung sống, vợ chồng sinh sống hòa thuận hạnh phúc được một

thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **T** không chịu khó làm ăn, ham chơi, đua đòi, bài bạc. Từ đó hai bên không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị **N** được ly hôn anh **T**.

- Về con chung: Vợ, chồng chưa có con chung, chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh **Vũ Văn T** để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **T** đều vắng mặt không có lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Nguyễn Thị N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh **Vũ Văn T**. Anh **T** có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh **T** vắng mặt không có lí do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh **T** và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh **T** theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh **T** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh **T** đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh **T** cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lí do. Tại phiên tòa chị **N** vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt chị **N** và anh **T**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Vũ Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/02/2022 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu khó làm ăn, ham chơi, đua đòi, bài bạc. Từ đó hai bên không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Điều đó chứng tỏ chị N và anh T đã không còn tình cảm gì với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh T chưa có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban T1, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002340 ngày 03/7/2024. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn T. Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Đồng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

